

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tím

Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1993. Địa chỉ: Khóm T, phường 2, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Kim Tuấn A, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: do quen biết trước nên chị và anh Kim Tuấn A tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/3/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng lên thành phố tìm việc làm, vợ chồng chung sống hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 3 năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và vợ chồng sống ly thân đến

nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kim Tuấn A. Về con chung: tên Kim Trần Gia B, sinh ngày 17/02/2013, hiện nay đang ở với anh Kim Tuấn A nên chị đồng ý giao con cho anh Tuấn A nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kim Tuấn A đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 30/10/2020 và ngày 13/11/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 27/11/2020 và ngày 07/12/2020 nhưng bị đơn anh Kim Tuấn A vắng mặt, không lý do.

Tại biên bản tiếp xúc ngày 30/10/2020 ông Kim H, sinh năm 1966, địa chỉ ấp P, xã A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh là cha ruột của anh Kim Tuấn A trình bày: Việc mâu thuẫn gia đình giữa Kim Tuấn A và Trần Thị M như thế nào thì ông không rõ vì khi xảy ra mâu thuẫn các con không nói cho ông biết và khi xảy ra mâu thuẫn thì chị Trần Thị M bỏ về nhà cha mẹ ruột ở khóm T, phường 2, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng ở từ năm 2017 cho đến nay không bên nào tạo điều kiện hàn gắn, nên ông nghĩ hai vợ chồng các con rất khó hàn gắn lại được. Các văn bản tố tụng Tòa án giao cho anh Tuấn A mà ông nhận thay thì ông có thông báo lại cho Kim Tuấn A biết, anh Tuấn A cũng đồng ý ly hôn nhưng do làm ở xa không về được. Về con chung tên Kim Trần Gia B, sinh ngày 17/02/2013 thì Tuấn A yêu cầu được nuôi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Kim Tuấn A là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trần Thị M tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Bị đơn anh Kim Tuấn A chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị M và anh Kim Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị Trần Thị M và anh Kim Tuấn A là hợp pháp. Sau kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2017 cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn được ông Kim H là cha ruột của anh Kim Tuấn A xác nhận là có thật. Hiện tại chị Trần Thị M và anh Kim Tuấn A sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay, vợ chồng bỏ mặc ai sống ra sao thì sống. Tại phiên tòa, chị Trần Thị M cương quyết ly hôn, do hôn nhân đã đến mức trầm trọng, từ đó yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, giao cháu Kim Trần Gia B, sinh

ngày 17/02/2013 cho anh Kim Tuấn A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung do anh Kim Tuấn A vắng mặt và có không yêu cầu nên không xét. Từ đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: Đề nghị Tòa án khi đưa vụ án ra xét xử tuân thủ thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58/2011, quyền số 01/2011 ngày 30/3/2011 do chị Trần Thị M cung cấp, căn cứ biên bản tiếp xúc ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đối với ông Kim H thì có căn cứ xác định người khởi kiện chị Trần Thị M đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn anh Kim Tuấn A là ở ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn anh Kim Tuấn A. Căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì trường hợp này được coi là bị đơn anh Kim Tuấn A cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn. Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt qua người thân của bị đơn là ông Kim H (cha ruột của bị đơn) các văn bản tố tụng từ khi thụ lý, tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ và hòa giải, xét xử theo Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Kim Tuấn A.

[2] Chị Trần Thị M và anh Kim Tuấn A xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị M và anh Tuấn A là hợp pháp. Sau kết hôn, chị M và anh Tuấn A chung sống có một người con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2017 xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, ông Kim H là cha ruột của anh Tuấn A xác nhận có biết việc vợ chồng chị M và anh Tuấn A thường xảy cự cãi, theo ông Kim H thì khả năng đoàn tụ của vợ chồng chị M và anh Tuấn A là rất khó. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho M và anh Tuấn A hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng không đạt kết quả do anh Tuấn A không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị M. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử động viên, thuyết phục chị M nên tạo điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình với anh Tuấn A để cùng chăm

sóc, giáo dục con chung nhưng chị M cương quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Tuấn A đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay không ai tạo điều kiện hàn gắn chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh Tuấn A.

[3] Về con chung: tên Kim Trần Gia B, sinh ngày 17/02/2013 hiện đang sống với anh Tuấn A. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Kim Trần Gia B có nguyện vọng sống chung bên cha nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Kim Trần Gia B cho anh Kim Tuấn A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Bảo). Anh Tuấn A không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Kim Tuấn A.

Cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Kim Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Kim Trần Gia B, sinh ngày 17/02/2013 cho anh Kim Tuấn A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu B).

Về cấp dưỡng anh Kim Tuấn A không có yêu cầu nên không giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người

trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003306 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Bị đơn anh Kim Tuấn A không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Kim Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc